TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Đức Mạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A; nơi ĐKHKTT: Đội C, thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số X đường Y, quận Z, thành phố W, Đài Loan; vắng mặt và xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B; nơi cư trú: Đội C, thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 01 năm 2007. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên

xảy ra tranh cãi căng thẳng khiến cho cuộc sống chung hết sức nặng nề. Vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, ít quan tâm tới nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên gay gắn, chị và Anh B đã cố gắng nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và cho nhau thêm cơ hội nhưng không đạt kết quả. Cuối năm 2017, Chị A sang Đài Loan sinh sống và làm việc. Do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng ngày càng ít liên lạc và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay Chị A không còn tình cảm với Anh B, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh B.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 04/10/2007; Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/12/2015; Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/4/2017. Ly hôn chị đề nghị giao 03 con chung cho Anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Anh B không đồng ý, chị sẽ là người nuôi dưỡng các cháu. Chị sẽ cấp dưỡng cho 03 cháu tổng là 3.000.000đồng mỗi tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 17/3/2023 và Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2023, bị đơn là Anh Nguyễn Văn B trình bày như sau:

Anh và Chị Nguyễn Thị A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 01 năm 2007. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, có sự khác biệt về lối sống và tính cách nên thường xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần cùng ngồi lại hòa giải, hai bên gia đình bạn bè cũng tích cực hòa giải tuy nhiên không đạt kết quả. Cuối năm 2017, Chị Nguyễn Thị A sang Đài Loan sinh sống và làm việc thì mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên gay gắt, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay Chị A có đơn xin ly hôn với anh, anh đồng ý vì thấy rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Do vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và Chị A được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 04/10/2007, Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/4/2017. Ly hôn, Anh B yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho Anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý để Chị A nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B yêu cầu Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/01 con/01 tháng, tức mỗi tháng Chị A phải chuyển tiền cấp dưỡng nuôi 03 con cho Anh B là 6.000.000đồng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn Anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 04/10/2007, Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/4/2017 cho Anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 04/10/2007, Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/4/2017 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đồng trên mỗi con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Văn Hải và Anh Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết về tài tài sản chung nên không phải giải quyết. Ngoài ra đề nghị tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn Anh Nguyễn Văn B đang sinh sống ở Hải Phòng, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị A hiện nay đang sinh sống tại Đài Loan, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị A và bị đơn là Anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt Chị Nguyễn Thị A và là Anh Nguyễn Văn B theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Chị A và Anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 01 năm 2007. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ

hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn, nhận thấy: Sau khi kết hôn, Chị A và Anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, dù hai bên gia đình, bạn bè đã hòa giải và cả hai anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn kéo dài, không thể đoàn tụ. Nay Chị A yêu cầu xin ly hôn với Anh B, Anh B đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn với nhau. Xét thấy, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị A đối với Anh Nguyễn Văn B.

[4] Về con chung: Chị A và Anh B cùng thống nhất khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 04/10/2007, Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/4/2017 cho Anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Hồng G và cháu Nguyễn Minh H có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với Anh B nếu bố mẹ cháu ly hôn. Do vậy, yêu cầu về việc nuôi con chung của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị A đồng ý sẽ cấp dưỡng cho 03 con tổng là 3.000.000đồng mỗi tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh B yêu cầu Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/01 con/01 tháng, tức mỗi tháng Chị A phải chuyển tiền cấp dưỡng nuôi 03 con cho Anh B là 6.000.000đồng. Xét việc Chị A yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đồng/con/tháng là chưa đảm bảo được quyền lợi của cháu Nguyễn Thị Hồng G, cháu Nguyễn Minh H và cháu Nguyễn Minh K về chi phí sinh hoạt và học tập. Chị A hiện đang lao động ở nước ngoài có công việc, thu nhập ổn định. Mặt khác, hiện nay các con chung của Anh B, Chị A đang ở độ tuổi đi học, để các con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của các con thì việc Anh B yêu cầu Chị A cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của Anh B về việc Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng Chị A phải cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/01 con chung tức 6.000.000đồng/03 con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Hồng G, cháu Nguyễn Minh H và cháu Nguyễn Minh K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6 Về tài sản chung: Chị A và Anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A và Anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A ly hôn Anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 04/10/2007, Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/4/2017 cho Anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 04/10/2007, Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/12/2015 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/4/2017 với Anh Nguyễn Văn B theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đồng trên mỗi con cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Anh Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu Chị Nguyễn Thị A chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và Anh Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, cộng bằng 600.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006334 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Quyết **Nguyễn Thị Mai Vinh**

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Đỗ Xuân Quyết **Vũ Thị Minh Nguyệt**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp